

## Phụ lục 1

### HƯỚNG DẪN KÝ HIỆU VÀ GHI THÔNG TIN BẮT BUỘC TRÊN HÓA ĐƠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC

ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính)

**1.1. Tên loại hoá đơn:** Gồm: Hoá đơn giá trị gia tăng, Hoá đơn bán hàng; Hoá đơn xuất khẩu; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý; tem; vé; thẻ.

**1.2. Ký hiệu mẫu số hoá đơn (mẫu hoá đơn):** ký hiệu mẫu số hoá đơn có 11 ký tự

- 2 ký tự đầu thể hiện loại hoá đơn
- Tối đa 4 ký tự tiếp theo thể hiện tên hoá đơn
- 01 ký tự tiếp theo thể hiện số liên của hóa đơn
- 01 ký tự tiếp theo là “/” để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.
- 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.

Bảng ký hiệu 6 ký tự đầu của mẫu hóa đơn:

Loại hoá đơn	Mẫu số
1- Hoá đơn giá trị gia tăng.	01GTKT
2- Hoá đơn bán hàng.	02GTTT
3- Hoá đơn xuất khẩu.	06HDXK
4- Hóa đơn bán hàng (dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan).	07KPTQ
5- Các chứng từ được quản lý như hóa đơn gồm: + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển hàng hóa nội bộ; + Phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý.	03XKNB 04HGDL

Ví dụ: Ký hiệu 01GTKT2/001 được hiểu là: Mẫu thứ nhất của loại hóa đơn giá trị gia tăng 2 liên.

- Đối với tem, vé, thẻ: Bắt buộc ghi 3 ký tự đầu để phân biệt tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng. Các thông tin còn lại do tổ chức, cá nhân tự quy định nhưng không vượt quá 11 ký tự.

Cụ thể:

- Ký hiệu 01/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn GTGT
- Ký hiệu 02/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn bán hàng

**1.3. Ký hiệu hoá đơn:** ký hiệu hoá đơn có 6 ký tự đối với hoá đơn của các tổ chức, cá nhân tự in và đặt in và 8 ký tự đối với hoá đơn do Cục Thuế phát hành.

- 2 ký tự đầu để phân biệt các ký hiệu hóa đơn.

Ký tự phân biệt là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y;

3 ký tự cuối cùng thể hiện năm thông báo phát hành hoá đơn và hình thức hoá đơn.

Năm thông báo phát hành hoá đơn được thể hiện bằng hai số cuối của năm thông báo phát hành;

Ký hiệu của hình thức hoá đơn: sử dụng 3 ký hiệu:

1. Hoá đơn điện tử,

2. Hoá đơn tự in,

3. Hoá đơn đặt in;

Giữa hai phần được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Ví dụ:

AA/11E: trong đó AA: là ký hiệu hóa đơn; 11: hóa đơn phát hành năm 2011, E là ký hiệu hóa đơn điện tử;

AB/12T: trong đó AB: là ký hiệu hóa đơn; 12: hóa đơn phát hành năm 2012, T là ký hiệu hóa đơn tự in;

AA/13P: trong đó AA: là ký hiệu hóa đơn; 13: hóa đơn phát hành năm 2013; P là ký hiệu hóa đơn đặt in.

Để phân biệt hoá đơn đặt in của các Cục Thuế và hoá đơn của các tổ chức, cá nhân hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành).

Ví dụ: Hoá đơn do Cục thuế Hà Nội in, phát hành có ký hiệu như sau:

01AA/11P thể hiện Hoá đơn có ký hiệu do Cục Thuế Hà Nội đặt in, phát hành năm 2011;

03AB/12P thể hiện Hoá đơn có ký hiệu do Cục Thuế TP HCM đặt in, phát hành năm 2012;

*(Danh sách Mã hóa đơn của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC)*

**1.4. Số thứ tự hoá đơn:** ghi bằng dãy số tự nhiên liên tiếp trong cùng một ký hiệu hóa đơn, bao gồm 7 chữ số.

**1.5. Liên hoá đơn:** Mỗi số hoá đơn phải có từ 2 liên trở lên và tối đa không qua 9 liên, trong đó 2 liên bắt buộc:

Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao cho người mua

Các liên từ liên thứ 3 trở đi được đặt tên theo công dụng cụ thể mà người tạo hoá đơn quy định.

**1.6. Tên, mã số thuế của tổ chức nhận in hóa đơn:** đặt ở phần dưới cùng, chính giữa hoặc bên cạnh của tờ hóa đơn. / *12/2011*

## Phụ lục 2

### MÃ HÓA ĐƠN CỦA CỤC THUẾ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG PHÁT HÀNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC

Ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Mã	Tỉnh, thành phố	Mã	Tỉnh, thành phố
01	Hà Nội	34	Bình Thuận
02	Hải Phòng	35	Vũng Tàu
03	Hồ Chí Minh	36	Đồng Nai
04	Đà Nẵng	37	Bình Dương
06	Nam Định	38	Bình Phước
07	Hà Nam	39	Tây Ninh
08	Hải Dương	40	Quảng Nam
09	Hung Yên	41	Bình Định
10	Thái Bình	42	Khánh Hoà
11	Long An	43	Quảng Ngãi
12	Tiền Giang	44	Phú Yên
13	Bến Tre	45	Ninh Thuận
14	Đồng Tháp	46	Thái Nguyên
15	Vĩnh Long	47	Bắc Kạn
16	An Giang	48	Cao Bằng
17	Kiên Giang	49	Lạng Sơn
18	Cần Thơ	50	Tuyên Quang
19	Bạc Liêu	51	Hà Giang
20	Cà Mau	52	Yên Bái
21	Trà Vinh	53	Lào Cai

22	Sóc Trăng	54	Hoà Bình
23	Bắc Ninh	55	Sơn La
24	Bắc Giang	56	Điện Biên
25	Vĩnh Phúc	57	Quảng Ninh
26	Phú Thọ	58	Lâm Đồng
27	Ninh Bình	59	Gia Lai
28	Thanh Hoá	60	Đắk Lắk
29	Nghệ An	61	Kon Tum
30	Hà Tĩnh	62	Lai Châu
31	Quảng Bình	63	Hậu Giang
32	Quảng Trị	64	Đắk Nông
33	Thừa Thiên - Huế		

12/11

### Phụ lục 3

## CÁC MẪU HÓA ĐƠN, BẢNG BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC  
Ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính)

### 3.1. Mẫu Hóa đơn Giá trị gia tăng do Cục Thuế phát hành

TÊN CỤC THUẾ:.....		Mẫu số: 01GTKT3/001				
<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>						Ký hiệu: 01AA/11P
Liên 1: Lưu						Số: 0000001
Ngày.....tháng.....năm 20....						
Đơn vị bán hàng:.....						
Mã số thuế:.....						
Địa chỉ:.....Số tài khoản.....						
Điện thoại:.....						
Họ tên người mua hàng.....						
Tên đơn vị.....						
Mã số thuế:.....						
Địa chỉ.....Số tài khoản.....						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4x5	
Cộng tiền hàng: .....						
Thuế suất GTGT: ..... % , Tiền thuế GTGT: .....						
Tổng cộng tiền thanh toán .....						
Số tiền viết bằng chữ:.....						
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)			
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)						
(In tại Công ty in....., Mã số thuế.....)						

**Ghi chú:**

- Liên 1: Lưu
- Liên 2: Giao người mua
- Liên 3:.....

**3.2. Mẫu Hóa đơn bán hàng do Cục Thuế phát hành** (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

TÊN CỤC THUẾ.....		Mẫu số: 02GTTT3/001			
<b>HÓA ĐƠN BÁN HÀNG</b>					
Liên 1: Lưu				Ký hiệu: 03AA/11P	
Ngày.....tháng.....năm 20.....				Số: 0000001	
Đơn vị bán hàng:.....					
MST:.....					
Địa chỉ:..... Số tài khoản.....					
Điện thoại:.....					
Họ tên người mua hàng.....					
Tên đơn vị.....					
MST:.....					
Địa chỉ..... Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ:.....					
Số tiền viết bằng chữ:.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn) (In tại Công ty in....., Mã số thuế.....)					

**Ghi chú:**  
 - Liên 1: Lưu  
 - Liên 2: Giao người mua  
 - Liên 3: ...

**3.3. Mẫu Đơn đề nghị mua hóa đơn (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MUA HÓA ĐƠN**

Kính gửi:.....

**I. Tổ chức, cá nhân đề nghị mua hóa đơn:**.....

1. Tên tổ chức, cá nhân (Ghi theo đăng ký thuế):.....

2. Mã số thuế:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính (Ghi theo đăng ký thuế):.....

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế (Ghi theo đăng ký thuế):.....

5. Số điện thoại liên hệ:.....

+ Cố định:.....

+ Di động:.....

6. Người đại diện theo pháp luật (Ghi theo đăng ký thuế):.....

7. Vốn điều lệ (ghi theo số đã góp đủ):.....

8. Số lượng lao động:.....

9. Tên người mua hóa đơn (Đối với hộ kinh doanh thì tên người mua hóa đơn là chủ hộ kinh doanh, trường hợp chủ hộ ủy quyền cho người khác thì phải kèm giấy ủy quyền):.....

Số CMND người đi mua hóa đơn:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

**II. Số lượng hóa đơn, chứng từ đề nghị mua:**

Đề nghị cơ quan thuế bán hóa đơn, chứng từ để sử dụng theo số lượng và loại như sau:

Đơn vị tính: Số

S T T	Loại hóa đơn, chứng từ	Tồn đầu kỳ trước	Số lượng mua kỳ trước	Sử dụng trong kỳ					Còn cuối kỳ	Số lượng mua kỳ này
				Sử dụng	Xóa bỏ	Mất	Hủy	Cộng		

**Tôi xin cam kết:**

Đã nghiên cứu kỹ các quy định trong Luật thuế, Nghị định 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 153/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ.

Quản lý và sử dụng hoá đơn do cơ quan thuế phát hành đúng quy định. Nếu vi phạm tổ chức, cá nhân xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Ghi chú:**

- Hộ, cá nhân kinh doanh không cần  
đóng dấu.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)

**3.4. Mẫu Đơn đề nghị cấp hóa đơn lẻ (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 201

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN LẺ**

Kính gửi: .....

**I. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lẻ hóa đơn:**

1/ Tên tổ chức, cá nhân:

2/ Địa chỉ:

Số nhà .....Ngõ (ngách, xóm) .....

Quang phổ (thôn): .....

Phường (xã) .....

Quận (huyện) ..... Tỉnh (thành phố): .....

3/ Số Quyết định thành lập tổ chức(nếu có):

Cấp cấp ..... Cơ quan cấp.....

4/ Mã số thuế (nếu có):.....

5/ Tên người nhận hóa đơn (Trường hợp là cá nhân thì tên người nhận hóa đơn là cá nhân đề nghị cấp hóa đơn):.....

6/ Số CMND người đi nhận hóa đơn:.....

Ngày cấp ..... Nơi cấp:.....

**II. Doanh thu phát sinh từ hoạt động bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ:**

Tên hàng hoá, dịch vụ:.....

Tên người mua hàng hoá, dịch vụ:.....

Địa chỉ người mua hàng hoá, dịch vụ:.....

Mã số thuế người mua hàng hoá, dịch vụ:.....

Số ngày hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ(nếu có):.....

Doanh thu phát sinh:.....

Là tổ chức (cá nhân) không có đăng ký kinh doanh, không kinh doanh thường xuyên chúng tôi đã nghiên cứu kỹ các Luật thuế, Nghị định 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 153/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 51/2010/NĐ-CP.



**Chúng tôi xin cam kết:**

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hoá đơn.
- Quản lý hoá đơn do cơ quan Thuế phát hành đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ  
KÝ DUYỆT**

*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

**3.5. Mẫu Thông báo phát hành hóa đơn** (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

**THÔNG BÁO PHÁT HÀNH HOÁ ĐƠN**  
(Dành cho tổ chức, cá nhân kinh doanh đặt in, tự in)

1. Tên đơn vị phát hành hoá đơn (Công ty A/Cục Thuế TP Hà Nội):.....
2. Mã số thuế:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Điện thoại:.....
5. Các loại hoá đơn phát hành:

STT	Tên loại hoá đơn	Mẫu số	Ký hiệu	Số lượng	Từ số	Đến số	Ngày bắt đầu sử dụng	Doanh nghiệp in	
								Tên	MST
	Hóa đơn GTGT		AA/11T						

6. Thông tin đơn vị chủ quản (trường hợp tổ chức, cá nhân dùng hóa đơn của đơn vị chủ quản đặt in, tự in):
- Tên đơn vị:.....
- Mã số thuế:.....
7. Tên cơ quan thuế tiếp nhận thông báo:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

5.6. Mẫu Thông báo phát hành hoá đơn (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

**THÔNG BÁO PHÁT HÀNH HOÁ ĐƠN**  
(Dành cho Cục Thuế)

1. Cục Thuế:.....
2. Địa chỉ trụ sở:.....
3. Số điện thoại:.....
4. Các loại hoá đơn được phát hành:.....

STT	Tên loại hoá đơn	Mẫu số	Ký hiệu	Số lượng	Từ số	đến số	Ngày bắt đầu sử dụng	Doanh nghiệp in	
								Tên	MST
			01AA/11P						

....., ngày.....tháng.....năm.....

**CỤC TRƯỞNG**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**3.7. Mẫu Báo cáo về việc nhận in hoá đơn** (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Mẫu số: BC01/AC**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO VỀ VIỆC NHẬN IN HOÁ ĐƠN**  
 Kỳ.....năm.....

Tên tổ chức: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

*Đơn vị tính: Số*

STT	Tổ chức, cá nhân đặt in			Hợp đồng		Tên hóa đơn	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Từ số	Đến số	Số lượng
	Mã số thuế	Tên	Địa chỉ	Số	Ngày						

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**3.8. Mẫu Báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Mẫu số: BC21/AC**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**BÁO CÁO MẤT, CHÁY, HỎNG HÓA ĐƠN**

Tên tổ chức, cá nhân làm mất, cháy, hỏng hóa đơn:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Hồi giờ.....ngày.....tháng.....năm....., (tổ chức, cá nhân) phát hiện bị mất, cháy, hỏng hóa đơn như sau:

STT	Tên loại hóa đơn	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Từ số	đến số	Số lượng	Liên hóa đơn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			AA/11T					Hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ đã sử dụng hoặc chưa sử dụng (đã phát hàng hoặc chưa phát hành)
								Hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ

Lý do mất, cháy, hỏng hoá đơn: .....

.....

Đơn vị cam kết: Việc khai báo trên là đúng sự thật, nếu phát hiện khai sai đơn vị xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan thuế trực tiếp quản lý
- Lưu.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên

**3.9. Mẫu Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn** (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HOÁ ĐƠN**

Quý.....năm.....

1. Tên tổ chức (cá nhân):.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ: .....

Đơn vị tính: Số

STT	Tên hóa đơn	Ký hiệu mẫu	Hình thức hóa đơn	Số lượng tồn đầu kỳ	Số lượng mua, phát hành trong kỳ	Sử dụng trong kỳ					Tồn cuối kỳ	Ghi chú
						Sử dụng	Xóa bỏ	Mất	Hủy	Cộng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Hóa đơn GTGT	01GKT3/01	E									
			T									
			P									
	Hóa đơn bán hàng											
	Phiếu XKVCNB											

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trên đây là đúng sự thật, nếu có gì sai trái, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)

**3.10. Mẫu Bảng kê hoá đơn chuyển đi (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)**

**Mẫu: BK01/AC**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN CHƯA SỬ DỤNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
 CHUYÊN ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH KHÁC ĐỊA BÀN CƠ QUAN THUẾ QUẢN LÝ**  
 (Đính kèm Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn)

- 1. Tên tổ chức, cá nhân: .....
- 2. Mã số thuế: .....
- 3. Các loại hoá đơn chưa sử dụng: .....

STT	Tên loại hoá đơn	Ký hiệu mẫu	Ký hiệu hoá đơn	Số lượng	Từ số	đến số
	Hoa đơn giá trị gia tăng	01GTKT2/001	AA/11T	100,000	1	100,000

....., ngày.....tháng..... năm  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**3.11. Mẫu Thông báo kết quả hủy hóa đơn** (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ HỦY HÓA ĐƠN**

Ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Phương pháp hủy hóa đơn:.....

Hồi giờ..... ngày..... tháng..... năm....., (tổ chức, cá nhân) thông báo hủy hóa đơn như sau:

STT	Tên loại hóa đơn	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Từ số	Đến số	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7

Ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**3.12. Mẫu: Bảng kê quyết toán hoá đơn (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT HOÁ ĐƠN CỦA TỔ CHỨC,  
CÁ NHÂN ĐẾN THỜI ĐIỂM QUYẾT TOÁN HOÁ ĐƠN**  
(Đính kèm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn BC26/AC)

**Mẫu số: BK01/AC**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

1. Tên tổ chức, cá nhân: .....
2. Mã số thuế:.....
3. Các loại hoá đơn chưa được sử dụng: .....

STT	Tên loại hoá đơn	Ký hiệu mẫu	Ký hiệu hoá đơn	Số lượng	Từ số	đến số
<b>I</b>	<b>HOÁ ĐƠN HẾT GIÁ TRỊ SỬ DỤNG</b>					
1	Hoá đơn giá trị gia tăng	01GTKT2/001	AA/11T	100,000	1	100,000
<b>II</b>	<b>HOÁ ĐƠN ĐĂNG KÝ TIẾP TỤC SỬ DỤNG</b>					

4. Cơ quan thuế chuyển đến (trường hợp chuyển địa điểm): .....

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**  
Dùng cho các trường hợp phải quyết toán hoá đơn

## Phụ lục 4

### HƯỚNG DẪN LẬP HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ ĐỐI VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC  
ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính)

1. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ phải sử dụng hoá đơn GTGT. Khi lập hoá đơn, tổ chức, cá nhân phải ghi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hoá đơn. Trên hoá đơn GTGT phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, phụ thu và phí tính ngoài giá bán (nếu có), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế.

Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, phương pháp khoán khi bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ phải sử dụng hoá đơn bán hàng.

2. Trong một số trường hợp việc sử dụng và ghi hóa đơn, chứng từ được thực hiện cụ thể như sau:

2.1. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế bán hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng được miễn thuế GTGT thì sử dụng hóa đơn GTGT, trên hoá đơn GTGT chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ.

Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế nhưng có hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì sử dụng hóa đơn bán hàng cho hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

2.2. Tổ chức, cá nhân xuất nhập khẩu là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nhận nhập khẩu hàng hoá uỷ thác cho các cơ sở khác, khi trả hàng cơ sở nhận uỷ thác lập chứng từ như sau:

Cơ sở nhận nhập khẩu uỷ thác khi xuất trả hàng nhập khẩu uỷ thác, nếu đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, cơ sở lập hoá đơn GTGT để cơ sở đi uỷ thác nhập khẩu làm căn cứ kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá uỷ thác nhập khẩu. Trường hợp cơ sở nhận nhập khẩu uỷ thác chưa nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, khi xuất trả hàng nhập khẩu uỷ thác, cơ sở lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo lệnh điều động nội bộ theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hoá trên thị trường. Sau khi đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu cho hàng hoá nhập khẩu uỷ thác, cơ sở mới lập hoá đơn theo quy định trên.

Hoá đơn GTGT xuất trả hàng nhập khẩu uỷ thác ghi:

(a) Giá bán chưa có thuế GTGT bao gồm: giá trị hàng hoá thực tế nhập khẩu theo giá CIF, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản phải nộp theo chế độ quy định ở khâu nhập khẩu (nếu có).

(b) Thuế suất thuế GTGT và tiền thuế GTGT ghi theo số thuế đã nộp ở khâu nhập khẩu.

(c) Tổng cộng tiền thanh toán ( $= a + b$ )

Cơ sở nhận nhập khẩu uỷ thác lập hoá đơn GTGT riêng để thanh toán tiền hoa hồng uỷ thác nhập khẩu.

2.3. Trường hợp tổ chức, cá nhân xuất khẩu tự in hoặc đặt in hóa đơn xuất khẩu để sử dụng khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ thì tổ chức, cá nhân xuất khẩu sử dụng hóa đơn xuất khẩu tự in hoặc đặt in để kê khai, nộp thuế, hoàn thuế.

Khi xuất hàng hoá để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm Lệnh điều động nội bộ theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hoá trên thị trường.

Trường hợp uỷ thác xuất khẩu hàng hoá, khi xuất hàng giao cho cơ sở nhận uỷ thác, cơ sở có hàng hoá uỷ thác xuất khẩu sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo Lệnh điều động nội bộ.

2.4. Sử dụng hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá, dịch vụ khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu, cho, biếu, tặng và tiêu dùng nội bộ đối với tổ chức, cá nhân kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

a) Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại) thì phải lập hoá đơn, trên hoá đơn ghi tên và số lượng hàng hoá, ghi rõ là hàng khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu không thu tiền; dòng thuế suất, thuế GTGT không ghi, gạch chéo.

b) Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ thì phải lập hoá đơn GTGT (hoặc hoá đơn bán hàng), trên hoá đơn ghi đầy đủ các chi tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng.

2.5. Hàng hoá, dịch vụ có giảm giá thì trên hóa đơn GTGT ghi giá bán đã giảm, thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT.

Nếu việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá, dịch vụ thực tế mua đạt mức nhất định thì số tiền giảm giá của hàng hoá đã bán được tính điều chỉnh trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trên hoá đơn phải ghi rõ các số hóa đơn được giảm giá và số tiền được giảm giá.

2.6. Tổ chức kinh doanh kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ xuất điều chuyển hàng hoá cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, cửa hàng ở khác địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc với nhau; xuất hàng hoá cho cơ sở nhận làm đại lý bán đúng giá, hưởng hoa hồng, căn cứ vào phương thức tổ chức kinh doanh và hạch toán kế toán, cơ sở có thể lựa chọn một trong hai cách sử dụng hoá đơn, chứng từ như sau:

a) Sử dụng hoá đơn GTGT để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau;

b) Sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo Lệnh điều động nội bộ; Sử dụng Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý theo quy định đối với hàng hoá xuất cho cơ sở làm đại lý kèm theo Lệnh điều động nội bộ.

Cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng khi bán hàng phải lập hóa đơn theo quy định giao cho người mua, đồng thời lập Bảng kê hàng hóa bán ra gửi về cơ sở có hàng hóa điều chuyển hoặc cơ sở có hàng hoá gửi bán (gọi chung là cơ sở giao hàng) để cơ sở giao hàng lập hóa đơn GTGT cho hàng hóa thực tế tiêu thụ giao cho cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng.

Trường hợp cơ sở có số lượng và doanh số hàng hoá bán ra lớn, Bảng kê có thể lập cho 05 ngày hay 10 ngày một lần. Trường hợp hàng hoá bán ra có thuế suất thuế GTGT khác nhau phải lập bảng kê riêng cho hàng hoá bán ra theo từng nhóm thuế suất.

Cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng thực hiện kê khai nộp thuế GTGT đối với số hàng xuất bán cho người mua và được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo hóa đơn GTGT của cơ sở giao hàng xuất cho.

2.7. Tổ chức, cá nhân làm đại lý thu mua hàng hóa theo các hình thức khi trả hàng hóa cho cơ sở uỷ thác thu mua phải lập hóa đơn cho hàng hóa thu mua đại lý và hoa hồng được hưởng (nếu có).

2.8. Tổ chức, cá nhân mua hàng hoá, người bán đã xuất hoá đơn, người mua đã nhận hàng, nhưng sau đó người mua phát hiện hàng hoá không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại toàn bộ hay một phần hàng hoá, khi xuất hàng trả lại cho người bán, cơ sở phải lập hoá đơn, trên hoá đơn ghi rõ hàng hoá trả lại người bán do không đúng quy cách, chất lượng, tiền thuế GTGT.

Trường hợp người mua là đối tượng không có hoá đơn, khi trả lại hàng hoá, bên mua và bên bán phải lập biên bản ghi rõ loại hàng hoá, số lượng, giá trị hàng trả lại theo giá không có thuế GTGT, tiền thuế GTGT theo hoá đơn bán hàng (số ký hiệu, ngày, tháng của hoá đơn), lý do trả hàng và bên bán thu hồi hóa đơn đã lập.

2.9. Tổ chức, cá nhân xuất hàng hoá bán lưu động sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo Lệnh điều động nội bộ theo quy định, khi bán hàng cơ sở lập hoá đơn theo quy định.

2.10. Cơ sở xây dựng có công trình xây dựng, lắp đặt mà thời gian thực hiện dài, việc thanh toán tiền thực hiện theo tiến độ hoặc theo khối lượng công việc hoàn thành bàn giao, phải lập hoá đơn thanh toán khối lượng xây lắp bàn giao. Hóa đơn GTGT phải ghi rõ doanh thu chưa có thuế và thuế GTGT. Trường hợp công trình xây dựng hoàn thành đã lập hóa đơn thanh toán giá trị công trình nhưng khi duyệt quyết toán giá trị công trình XD/CB có điều chỉnh giá trị khối lượng xây dựng phải thanh toán thì lập hóa đơn, chứng từ điều chỉnh giá trị công trình phải thanh toán.

2.11. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì khi thu tiền, tổ chức, cá nhân phải lập hóa đơn GTGT. Trên hóa đơn ghi rõ số tiền thu, giá đất được giảm trừ trong doanh thu tính thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT, số thuế GTGT.

2.12. Tổ chức cho thuê tài chính cho thuê tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải lập hoá đơn theo quy định.

Tổ chức cho thuê tài chính cho thuê tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải có hoá đơn GTGT (đối với tài sản mua trong nước) hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với tài sản nhập khẩu); tổng số tiền thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT phải khớp với số tiền thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT (hoặc chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu).

Các trường hợp tài sản mua để cho thuê không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT không có hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu thì không được ghi thuế GTGT trên hoá đơn.

Việc lập hóa đơn như sau:

- Trường hợp tổ chức cho thuê tài chính chuyển giao toàn bộ số thuế GTGT ghi trên hóa đơn tài sản mua cho thuê tài chính cho bên đi thuê tài chính được kê khai khấu trừ một lần thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính, tổ chức cho thuê tài chính lập hóa đơn cho bên đi thuê để làm căn cứ khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

Trên hóa đơn GTGT thu tiền lần đầu của dịch vụ cho thuê tài chính, tổ chức cho thuê tài chính ghi rõ: thanh toán dịch vụ cho thuê tài chính và thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính, dòng tiền hàng ghi giá trị dịch vụ cho thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT của tài sản), dòng thuế suất không ghi và gạch chéo, dòng tiền thuế GTGT ghi đúng số thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính

Xử lý lập hóa đơn khi hợp đồng chấm dứt trước thời hạn:

+ Thu hồi tài sản cho thuê tài chính: Trường hợp tổ chức cho thuê tài chính và bên đi thuê lựa chọn khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT của tài sản cho thuê, bên đi thuê điều chỉnh thuế GTGT đã khấu trừ tính trên giá trị còn lại chưa có thuế GTGT xác định theo biên bản thu hồi tài sản để chuyển giao cho tổ chức cho thuê tài chính. Trên hóa đơn GTGT ghi rõ: xuất trả tiền thuế GTGT của tài sản thu hồi; dòng tiền hàng, dòng thuế suất không ghi và gạch bỏ; dòng tiền thuế ghi số tiền thuế GTGT tính trên giá trị còn lại chưa có thuế GTGT xác định theo biên bản thu hồi tài sản.

+ Bán tài sản thu hồi: Tổ chức cho thuê tài chính khi bán tài sản thu hồi phải lập hóa đơn GTGT theo quy định giao cho khách hàng.

2.13. Tổ chức, cá nhân có hoạt động mua, bán ngoại tệ phát sinh ở nước ngoài lập Bảng kê chi tiết doanh số mua bán theo từng loại ngoại tệ. Cơ sở phải lưu giữ các chứng từ giao dịch với bên mua, bán ở nước ngoài theo đúng pháp luật về kế toán. Các hoạt động mua, bán ngoại tệ phát sinh ở trong nước phải lập hoá đơn theo quy định.

2.14. Tổ chức, cá nhân mua, bán vàng, bạc, đá quý nếu mua của cá nhân không kinh doanh, không có hoá đơn thì lập Bảng kê hàng hoá mua vào theo mẫu số 01/TNDN (Ban hành kèm theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính)

2.15. Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hoá, dịch vụ sử dụng hoá đơn bán hàng (loại dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan).

2.16. Hoá đơn, chứng từ đối với tài sản góp vốn, tài sản điều chuyển được thực hiện như sau:

a) Bên có tài sản góp vốn là cá nhân, tổ chức không kinh doanh:

a.1. Trường hợp cá nhân, tổ chức không kinh doanh có góp vốn bằng tài sản vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần thì chứng từ đối với tài sản góp vốn là biên bản chứng nhận góp vốn, biên bản giao nhận tài sản.

a.2. Trường hợp cá nhân dùng tài sản thuộc sở hữu của mình, giá trị quyền sử dụng đất để thành lập doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư thì không phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản, chuyển quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp tư nhân, trường hợp không có chứng từ hợp pháp chứng minh giá vốn của tài sản thì phải có văn bản định giá tài sản của tổ chức định giá theo quy định của pháp luật để làm cơ sở hạch toán giá trị tài sản cố định.

b) Bên có tài sản góp vốn, có tài sản điều chuyển là tổ chức, cá nhân kinh doanh:

b.1. Tài sản góp vốn vào doanh nghiệp phải có: biên bản góp vốn sản xuất kinh doanh, hợp đồng liên doanh, liên kết; biên bản định giá tài sản của Hội đồng giao nhận vốn góp của các bên góp vốn (hoặc văn bản định giá của tổ chức có chức

năng định giá theo quy định của pháp luật), kèm theo bộ hồ sơ về nguồn gốc tài sản.

b.2. Tài sản điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong tổ chức, cá nhân; tài sản điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân có tài sản điều chuyển phải có lệnh điều chuyển tài sản, kèm theo bộ hồ sơ nguồn gốc tài sản và không phải xuất hoá đơn.

Trường hợp tài sản điều chuyển giữa các đơn vị hạch toán độc lập hoặc giữa các đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân đầy đủ trong cùng một tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân có tài sản điều chuyển phải lập hoá đơn GTGT theo quy định. / 11/2011

**Phụ lục 5**

**MẪU HÓA ĐƠN, BẢNG BIỂU THAM KHẢO**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC  
 ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính)

**5.1. Mẫu tham khảo Hóa đơn Giá trị gia tăng**

<b>HÓA ĐƠN</b>						Mẫu số: 01GTKT3/001
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>						Ký hiệu: AA/11P
Liên 1: Lưu						Số: 0000001
Ngày.....tháng.....năm 20....						
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH A						
Mã số thuế: 010023400						
Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội						
Số tài khoản.....						
Điện thoại:.....						
Họ tên người mua hàng.....						
Tên đơn vị.....						
Địa chỉ..... Số tài khoản.....						
Hình thức thanh toán:.....						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4x5	
Cộng tiền hàng:						.....
Thuế suất GTGT: ..... % , Tiền thuế GTGT:						.....
Tổng cộng tiền thanh toán						.....
Số tiền viết bằng chữ:.....						
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)				Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)						
(In tại Công ty ....., Mã số thuế .....,)						

**Ghi chú:**

- Liên 1: Lưu
- Liên 2: Giao người mua
- Liên 3:.....







**5.4. Mẫu tham khảo Hóa đơn xuất khẩu (Phụ lục 5 ban hành kèm Thông tư số 131/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)**

**HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU**

Liên I: Lưu

Số: 0000001

Ngày.....tháng.....năm 20....

Tên đơn vị xuất khẩu: Công ty A.....

Địa chỉ: số 7 phố ..... Số tài khoản.....

Điện thoại ..... Mã số thuế .....

Tên đơn vị nhập khẩu.....

Địa chỉ ..... Số tài khoản.....

Điện thoại .....

Số hợp đồng: ..... Ngày hợp đồng: ..../..../.....

Hình thức thanh toán:.....

Địa điểm giao hàng: .....

Địa điểm nhận hàng: .....

Số vận đơn: .....

Số container: ..... Tên đơn vị vận chuyển: .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ:.....

Số tiền viết bằng chữ:.....

Người bán hàng  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(In tại Công ty in....., Mã số thuế .....) )

**Ghi chú:**

Liên I: Lưu

Liên II: Giao người mua

**5.5. Mẫu tham khảo Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ** (Phụ lục 5 ban hành kèm Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

Mẫu số: 03XKNB

Tên tổ chức, cá nhân: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Mã số thuế: .....

Ký hiệu:  
Số:

**PHIẾU XUẤT KHO KIÊM VẬN CHUYỂN NỘI BỘ**

Liên 1: Lưu

Ngày..... tháng.....năm .....

Căn cứ lệnh điều động số:..... Ngày.....tháng.....năm.....  
 của ..... về việc.....

Họ tên người vận chuyển..... Hợp đồng số.....

Phương tiện vận chuyển:.....

Xuất tại kho: .....

Nhập tại kho: .....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Thực xuất	Thực nhập		
<b>Tổng cộng:</b>							

**Người lập**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ kho xuất**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Người vận chuyển**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ kho nhập**

(ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

**Ghi chú:**

- Liên 1: Lưu
- Liên 2: Dùng để vận chuyển hàng
- Liên 3: Nội bộ

**5.6. Mẫu tham khảo Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý (Phụ lục 5 ban hành kèm Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)**

Mẫu số: 04HGDL

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:..... Ký hiệu:

Số:

**PHIẾU XUẤT KHO HÀNG GỬI BÁN ĐẠI LÝ**

Liên 1: Lưu

Ngày.....tháng.....năm.....

Căn cứ hợp đồng kinh tế số: ..... Ngày.....tháng.....năm.....

của .....với (tổ chức, cá nhân).....MST:.....

Họ tên người vận chuyển: ..... Hợp đồng số:.....

Phương tiện vận chuyển: .....

Xuất tại kho: .....

Nhập tại kho: .....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>Tổng cộng:</b>						

**Người nhận hàng**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ kho xuất**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người vận chuyển**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ kho nhập**  
(ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

**Ghi chú:**

Liên 1: Lưu

Liên 2: Dùng để vận chuyển hàng

Liên 3: Nội bộ

**5.7. Mẫu tham khảo Bảng kê bán lẻ hàng hóa dịch vụ có giá trị dưới 200.000 VND**  
 (Phụ lục 5 ban hành kèm Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ BÁN LẺ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TRỰC TIẾP CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Ngày .....tháng.....năm.....

Tên tổ chức cá nhân: .....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế GTGT	Thành tiền	Ghi chú
<b>Tổng cộng:</b>							

Người lập  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**5.8. Mẫu Quyết định về việc áp dụng hóa đơn tự in** (Phụ lục 5 ban hành kèm Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị chủ quản:.....  
Tên tổ chức.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH CỦA .....(CÔNG TY, ĐƠN VỊ)**  
**Về việc áp dụng hóa đơn tự in**

**GIÁM ĐỐC ...**

Căn cứ điểm a (hoặc b) và điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Quyết định thành lập (hoặc Giấy đăng ký kinh doanh) số ...

Xét đề nghị của ...

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Áp dụng hình thức hóa đơn tự in trong đơn vị từ ngày 20/.../20...trên cơ sở hệ thống thiết bị và các bộ phận kỹ thuật liên quan như sau:  
Hệ thống thiết bị (Máy tính số ..., máy in số ..., máy tính tiền số ..., phần mềm ứng dụng (phần mềm kế toán, phần mềm bán hàng)).

Các bộ phận kỹ thuật và tên nhà cung ứng dịch vụ chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật (Bộ phận kỹ thuật hoặc tên nhà cung cấp dịch vụ)

**Điều 2.** Mẫu các loại hoá đơn tự in và mục đích sử dụng của mỗi loại hoá đơn (chi tiết)

**Điều 3.** Trách nhiệm của từng bộ phận trực thuộc liên quan việc tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hoá đơn tự in trong nội bộ tổ chức (Bộ phận kế toán, bộ phận bán hàng, bộ phận kỹ thuật...).

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../20....Lãnh đạo đơn vị, nhân kế toán, bộ phận bán hàng, bộ phận kỹ thuật,... chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

.....thực trực tiếp quản lý (Cục, Chi cục...);  
.....(để thực hiện);  
.....(để lưu tại đơn vị).

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)